

Bản án số: 18/2018/HSST
Ngày 14-3-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Thường Đông.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lại Hữu Tâm.

Ông Phan Hoàng Nam.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Minh Phúc – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Lê Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 19/2018/TLST-HS ngày 09 tháng 02 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2018/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 02 năm 2018 đối với bị cáo:

Trần Hải L, sinh năm 1973 tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 64/3/2 đường P, Phường 3, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi sinh sống: 33A đường 78, ấp Đ, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị U; có vợ và 02 con;

Tiền án:

- Ngày 23/6/1992 bị Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản công dân” theo Bản án số 183/HSST ngày 23/6/1992;

- Ngày 23/3/1994 bị Tòa án nhân dân huyện Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản công dân” theo Bản án số 08/HSST ngày 23/3/1994, bị cáo chấp hành hình phạt tù được 06 tháng thì trốn khỏi nơi giam giữ;

- Ngày 29/5/1996 bị Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 10 năm 01 tháng 02 ngày tù về các tội “Trộm cắp tài sản công dân”,

“Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” và “Trốn khỏi nơi giam” theo Bản án số 612/HSPT ngày 29/5/1996;

- Ngày 29/9/2004 bị Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 06 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 104/HSST ngày 29/9/2004. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 24/4/2009 nhưng chưa thi hành xong phần án phí;

Tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 21/02/2017 bị Cơ quan CSĐT Công an Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định khởi tố và truy nã về tội “Trộm cắp tài sản”;

Bị bắt, tạm giam ngày 08/9/2017; bị cáo có mặt tại phiên tòa;

- *Bị hại:* Bà Nguyễn Thị Bích P, sinh năm 1991- Vắng mặt.

Nơi cư trú: D15/14/1 ấp 4B, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người tham gia tố tụng khác:*

* Người làm chứng:

1. Ông Hồ Ngọc T, sinh năm 1964 - Vắng mặt.

Nơi cư trú: F7/27A ấp 6, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ông Nguyễn Trường T1, sinh năm 1962 - Vắng mặt.

Nơi cư trú: F8/38F ấp 6, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Ông Phan Văn N, sinh năm 1969 - Vắng mặt.

Nơi cư trú: F12/11B ấp 6, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có tiền tiêu xài nên vào khoảng 06 giờ ngày 08/9/2017, Trần Hải L chuẩn bị sẵn 01 cây đoản và 01 con dao bấm rồi thuê xe ôm của một người đàn ông (không rõ lai lịch) đi từ huyện Củ Chi đến huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh để trộm cắp tài sản. Đến khoảng 06 giờ 45 phút cùng ngày, khi đi ngang qua Trường tiểu học Vĩnh Lộc A thuộc ấp 6, xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh, thấy có nhiều người đưa con đi học để xe phía trước sân trường không có người trông coi nên L kêu người chạy xe ôm ngừng lại và xuống xe. Sau đó, L đi vào trong sân trường, phát hiện bà Nguyễn Thị Bích P điều khiển xe mô tô hiệu HondaVision biển số 77C1-942.11 chở con đi học dựng xe trước sân rồi đưa con vào lớp nên L tiến lại gần chiếc xe và dùng cây đoản mang theo mở khóa xe nhưng cây đoản bị gãy, L dùng 02 tay đẩy chiếc xe ra hướng cổng trường được khoảng 02 mét thì bị bà P phát hiện, tri hô nên L bỏ xe chạy bộ tẩu thoát. Lúc này, lực lượng dân phòng xã Vĩnh Lộc A đang làm

nhiệm vụ gần đó nghe tiếng tri hô nên đuổi theo bắt giữ L, giao Công an xã Vĩnh Lộc A lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ vật chứng và chuyển đến Cơ quan CSĐT – Công an huyện Bình Chánh để điều tra xử lý.

Căn cứ kết quả định giá tài sản số 1083/HĐĐG-TTHS-TCKH ngày 14/9/2017 của Hội đồng định giá tài trong tổ tụng hình sự huyện Bình Chánh kết luận chiếc xe mô tô biển số 77C1-492.11 mà Trần Hải L đã chiếm đoạt có giá trị 28.500.000 đồng.

Vật chứng trong vụ án:

01 chiếc xe mô tô biển số 77C1-492.11. Qua xác minh, Cơ quan CSĐT Công an huyện Bình Chánh đã trả lại cho chủ sở hữu là bà Nguyễn Thị Bích P.

01 cây đoản bằng kim loại hình lục giác dài 6cm, có 01 đầu dẹp bị gãy.

01 miếng kim loại dẹp dài 2,3cm, rộng 0,8cm thu giữ trong ổ khóa xe mô tô biển số 77C1-492.11.

01 con dao bấm bằng kim loại dài 26cm.

Tại bản cáo trạng số 08/CTR-VKS ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Trần Hải L về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 138, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009, xử phạt bị cáo Trần Hải L từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; ghi nhận bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại và tịch thu tiêu hủy số vật chứng thu giữ của bị cáo.

Tại cơ quan CSĐT Công an huyện Bình Chánh cũng như tại phiên tòa, Trần Hải L khai nhận hành vi như trên.

Bị hại Nguyễn Thị Bích P đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt nên không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét thấy lời khai nhận tội tại phiên tòa của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, vật chứng của vụ án và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa.

[2] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác. Khi thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản trên, bị cáo đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, có khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình nhưng vì tham lam, vụ lợi, muốn chiếm đoạt tài

sản của người khác để bán lấy tiền tiêu xài nên bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Tài sản bị cáo chiếm đoạt có giá trị 28.500.000 đồng nhưng do bị cáo đã có tiền án thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm, tính đến lần phạm tội này bị cáo chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục phạm tội nên thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm, là tình tiết định khung hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

[3] Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận hành vi của bị cáo Trần Hải L đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

[4] Xét về nhân thân, bị cáo có nhiều tiền án:

- Ngày 23/6/1992 bị Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản công dân” theo Bản án số 183/HSST ngày 23/6/1992;

- Ngày 23/3/1994 bị Tòa án nhân dân huyện Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản công dân” theo Bản án số 08/HSST ngày 23/3/1994, bị cáo chấp hành hình phạt tù được 06 tháng thì trốn khỏi nơi giam giữ;

- Ngày 29/5/1996 bị Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 10 năm 01 tháng 02 ngày tù về các tội “Trộm cắp tài sản công dân”, “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” và “Trốn khỏi nơi giam” theo Bản án số 612/HSPT ngày 29/5/1996;

- Ngày 29/9/2004 bị Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 06 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 104/HSST ngày 29/9/2004. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 24/4/2009 nhưng chưa thi hành xong phần án phí;

[5] Do các tiền án này đã được sử dụng làm tình tiết định khung hình phạt đối với bị cáo nên Hội đồng xét xử không áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

[6] Ngoài ra, Ngày 21/02/2017 bị cáo bị Cơ quan CSĐT Công an Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định khởi tố và truy nã về tội “Trộm cắp tài sản”. Trong thời gian bị truy nã bị cáo tiếp tục phạm tội và bị bắt quả tang. Từ đó thể hiện sự liều lĩnh, xem thường pháp luật, không biết ăn năn hối cải, không cố gắng làm ăn lương thiện của bị cáo. Do đó cần áp dụng hình phạt nghiêm, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù trong một khoản thời gian nhất định để răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[7] Tuy nhiên, xét thấy tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo được quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự nên

khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử có xem xét để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn Thị Bích P đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt nên không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[9] Về vật chứng vụ án là 01 chiếc xe mô tô biển số 77C1-492.11, Cơ quan CSĐT Công an huyện Bình Chánh đã trả lại cho bà Nguyễn Thị Bích P là đúng quy định của pháp luật.

[10] Đối với 01 cây đoản bằng kim loại hình lục giác dài 6cm, có 01 đầu dẹp bị gãy; 01 miếng kim loại dẹp dài 2,3cm, rộng 0,8cm thu giữ trong ổ khóa xe mô tô biển số 77C1-492.11; 01 con dao bấm bằng kim loại dài 26cm. Xét đây là công cụ bị cáo sử dụng để phạm tội và không có giá trị sử dụng nên tịch thu và tiêu hủy theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

[11] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[12] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét chấp nhận quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát đề nghị tội danh, khung hình phạt đối với bị cáo cũng như giải quyết phần dân sự và xử lý vật chứng vụ án.

[13] Về các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Điều tra viên, Kiểm sát viên không xác minh làm rõ bị cáo đã đóng án phí và các khoản khác của các Bản án số 183/HSST ngày 23/6/1992 của Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, Bản án số 08/HSST ngày 23/3/1994 của Tòa án nhân dân huyện Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh và Bản án số 612/HSPT ngày 29/5/1996 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh chưa để làm căn cứ xác định bị cáo đã được xóa án tích đối với các bản án này hay chưa là có thiếu sót trong việc thu thập chứng cứ. Tuy nhiên sau khi Hội đồng xét xử trả hồ sơ để điều tra bổ sung, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã bổ sung đầy đủ cho Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Trần Hải L phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009;

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào các Điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Xử phạt bị cáo Trần Hải L 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08/9/2017.

Ghi nhận bị hại không có yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại.

Tịch thu và tiêu hủy: 01 (một) cây đoản bằng kim loại hình lục giác dài 06cm, có 01 (một) đầu dẹp bị gãy; 01 (một) miếng kim loại dẹp dài 2,3cm, rộng 0,8cm thu giữ trong ổ khóa xe mô tô biển số 77C1-492.11; 01 (một) con dao bấm bằng kim loại dài 26cm.

(vật chứng trên Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Chánh đang tạm giữ theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 12/01/2018 giữa Công an huyện Bình Chánh và Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Chánh)

Bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TPHCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TPHCM;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh;
- Công an huyện Bình Chánh;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Chánh;
- PC 53- Công an TPHCM;
- Sở tư pháp TPHCM;
- Bị cáo;
- Đương sự;
- Lưu hs;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lý Thường Đông

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 27-HS:

Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại các điều 254, 260 và 423 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Tòa án khi xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo:

(1) và (4) nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi tên Tòa án nhân dân quận (huyện, thị xã, thành phố) gì thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi tên Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án quân sự khu vực thì ghi tên Tòa án quân sự khu vực gì thuộc quân khu, quân chủng nào; nếu là Tòa án quân sự quân khu, quân chủng thì ghi tên Tòa án quân sự quân khu, quân chủng (ví dụ: Tòa án quân sự Quân khu Thủ đô).

(2) ô thứ nhất ghi số Bản án, ô thứ hai ghi năm ra Bản án (ví dụ: 16/2017/HS-ST).

(3) ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày hoặc nghị án kéo dài.

(5) nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, bỏ dòng Thẩm phán..., đối với Hội thẩm nhân dân (quân nhân) chỉ ghi đầy đủ họ tên của hai Hội thẩm nhân dân (quân nhân); nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Cần chú ý không ghi chức vụ của Thẩm phán; đối với vụ án hình sự thông thường thì không ghi chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân); đối với vụ án hình sự có bị cáo là người dưới 18 tuổi thì ghi nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Nếu vụ án do Tòa án quân sự giải quyết thì không ghi Ông (Bà) mà ghi cấp bậc quân hàm.

(6) ghi đầy đủ họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(7) ghi tên Viện kiểm sát như hướng dẫn tại (1); ghi họ tên Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa.

(8) trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ Trong các (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liền nhau thì ghi Từ ngày đến ngày (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liền nhau thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liền nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liền nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(9) nếu vụ án được xét xử tại trụ sở Tòa án thì ghi như hướng dẫn tại mục (1) (4). Nếu vụ án được xét xử lưu động thì ghi địa điểm nơi diễn ra phiên tòa.

(10) nếu xét xử kín thì thay cụm từ công khai bằng từ kín.

(11) và (12) ghi đầy đủ họ tên bị cáo và các bí danh, tên thường gọi khác (nếu có); nếu bị cáo là người dưới 18 tuổi phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh tính đến ngày bị cáo thực hiện hành vi phạm tội (ví dụ: Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 8 tháng 15 ngày); nếu bị cáo trên 18 tuổi thì ghi ngày, tháng, năm sinh hoặc tuổi; ghi nơi đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú, nơi sinh sống của bị cáo. Đối với tiền sự thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị xử lý đó tính đến ngày phạm tội chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý hành chính hoặc bị xử lý kỷ luật. Đối với tiền án thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị kết án đó tính đến ngày phạm tội chưa được xóa án. Về nhân thân ghi án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật cụ thể các lần đó và ghi rõ là các án tích, xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật đó đã được xóa. Trường hợp bị cáo là pháp nhân thương mại thì ghi tên, địa chỉ trụ sở, tên người đại diện theo pháp luật, tiền án, tiền sự của pháp nhân thương mại và các thông tin cần thiết khác; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(13) ghi ngày bị cáo bị bắt, tạm giam; nếu trước đó bị cáo đã bị tạm giữ, bị bắt, tạm giam, thì ghi ngày bị tạm giữ, ngày bị bắt, tạm giam và ngày được cho tại ngoại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(14) và (15) nếu bị cáo có người đại diện hợp pháp thì ghi rõ họ tên của bị cáo đó (ví dụ: Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn A). Sau chữ là ghi quan hệ như thế nào với bị cáo (ví dụ: là bố của bị cáo); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(16) nếu có người bào chữa thì ghi đầy đủ họ tên của người bào chữa và họ tên của bị cáo được bào chữa; nếu người bào chữa là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào (ví dụ: Ông Trần B, Luật sư Văn phòng luật sư Vạn Xuân thuộc Đoàn luật sư tỉnh H bào chữa cho Nguyễn Văn C); nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bào chữa (ví dụ: Bà Lê Thị M, bào chữa viên nhân dân công tác tại Hội luật gia tỉnh M bào chữa cho Nguyễn Văn D); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(17), (18), (19), (20), (21), (22), (23) và (24) nếu có người nào tham gia tố tụng thì ghi đầy đủ họ tên, tuổi, nơi cư trú của người đó. Trường hợp bị hại là người bị xâm phạm về tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự và là người dưới 18 tuổi, thì phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh của bị hại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(25) nếu bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có người bảo vệ quyền lợi cho họ, thì ghi đầy đủ họ tên của họ theo thứ tự; nếu người bảo vệ quyền lợi của đương sự là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào; nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bảo vệ quyền lợi cho

đương sự; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi có mặt và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi vắng mặt.

(26) nếu có người tham gia tố tụng là người làm chứng thì ghi đầy đủ họ tên; nếu người tham gia tố tụng là người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật thì ghi đầy đủ họ tên, cơ quan công tác.

(27) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(28) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại các điểm d, đ và e khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

(29) tùy từng trường hợp mà ghi rõ căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(30) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(31) phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi đầy đủ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các bị cáo, các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và Viện kiểm sát theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự thì ghi như sau:

Nơi nhận:

Ghi những nơi mà Tòa án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 262 của Bộ luật Tố tụng hình sự và những nơi cần lưu bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)